TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS -PT.
Ngày 15 tháng 3 năm 2022.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến
Các Thẩm phán: Ông Tạ Văn Thành;
Bà Lê Thị Thu Huyền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Trần Thị Kim Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-KDTM ngày 09/02/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/KDTM-ST ngày 20/7/2021 của Toà án nhân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2022/QĐ-PT ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 201-203, đường C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N (Công ty AMC); Đại diện theo ủy quyền của Công ty AMC: Ông Nguyễn Mạnh C – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty. (Theo Giấy ủy quyền ngày 31/12/2020 của Ngân hàng TMCP N và Giấy ủy quyền ngày 11/01/2021 của Chủ tịch Công ty AMC).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đoàn Ngọc K; ông Triệu Hồng M, ông Mai Đắc N và ông Trịnh Đức T – Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Nam Á. Địa chỉ liên hệ: số 1498 đại lộ H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/01/2022)

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng V – sinh năm 1975;

Chị Lưu Thị Việt T – sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Lưu Viết H – sinh năm 1950 và bà Tạ Thị T – sinh năm 1948

Địa chỉ: Khu 2, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

(Ông K, ông M, anh V, chị T, bà T có mặt, ông H ủy quyền cho bà T tham gia phiên tòa, ông T, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/7/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với ông Phạm Hồng V và chị Lưu Thị Việt T ký Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0272/2018/808-CV. Theo Hợp đồng này, Ngân hàng cho ông Việt, bà Thu vay số tiền là 400.000.000đ *(bốn trăm triệu đồng*). Mục đích: Vay bổ sung vốn kinh doanh (thanh toán tiền mua hàng). Thời hạn duy trì hạn mức 60 tháng kể từ ngày 04/7/2018 đến hết ngày 04/7/2023. Phương thức trả nợ : trả nợ gốc được chia thành nhiều kỳ. Trả lãi vay: theo dư nợ thực tế. Lãi suất trong hạn: 11%/năm, thay đổi 03 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phạt chậm trả lãi: bằng số dư lãi chậm trả nhân 10% nhân số ngày chậm trả lãi chia 365 ngày.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay, gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: Khu 2, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Diện tích 1041,3m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB843652 do UBND huyện T, cấp ngày 22/4/2016 cho ông Lưu Viết H và Tạ Thị T. Thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0136/2018/808-BĐ ngày 03/7/2018, giá trị tại thời điểm thế chấp là 585.000.000đ, công chứng tại Văn phòng công chứng Kim Đức ngày 03/7/2018. Quá trình thực hiện Hợp đồng, đến ngày 25/6/2019 anh V và chị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, tính đến ngày 24/11/2021 (ngày xét xử sơ thẩm), anh V và chị T còn nợ gốc và lãi là 429.681.429đ (*trong đó*: nợ gốc là 307.085.160đ, lãi trong hạn 78.302.199đ, lãi quá hạn 34.159.422đ, phạt lãi quá hạn 10.134.648đ).

Bị đơn anh Phạm Hồng V và chị Lưu Thị Việt T trình bày:

Anh V và chị T thừa nhận khoản nợ như trên nhưng vì điều kiện khó khăn xin được giảm lãi và trả nợ dần tiền gốc, đến tháng 4/2022 sẽ trả nợ đủ gốc quá

hạn, sau đó sẽ trả nợ nốt gốc và lãi theo đúng hạn cho đến khi trả hết nợ, đồng thời xin phần lãi quá hạn và phạt lãi quá hạn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Viết H và bà Tạ Thị T trình bày:

Ông H và bà T xin khất nợ trả dần cho Ngân hàng, nếu đến tháng 7/2023 gia đình không trả hết nợ thì đồng ý để Ngân hàng phát mại tài sản.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2021/ST-KDTM ngày 24/11/2021, Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

"Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, khoản 1 Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 292, 293, 295, 298, 299, Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Buộc ông Phạm Hồng V và bà Lưu Thị Việt T phải trả cho Ngân hàng TMCP Nam Á toàn bộ số tiền vay nợ tính đến ngày 24/11/2021 là 429.681.429 đồng (trong đó: nợ gốc là 307.085.160đ, nợ lãi trong hạn là 78.302.199đ, lãi quá hạn là 34.159.422đ, phạt quá hạn lãi 10.134.648đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/11/2021 cho đến khi tất toán khoản vay.

2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất (để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác) số 0136/2018/808-BĐ ngày 03/7/2018. Được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N với ông Lưu Viết H và bà Tạ Thị T để đảm bảo khoản vay của anh V, chị T.

Trường hợp anh Phạm Hồng V và chị Lưu Thị Việt T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu chi Cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất có tổng diện tích 1041,3m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ 06 được UBND huyện T cấp GCNQSD đất số hiệu CB 843 652, ngày 22/4/2016, đứng tên ông Lưu Viết H và bà Tạ Thị T; địa chỉ: khu 2, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất (để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác) số 0136/2018/808-BĐ ngày 03/7/2018, theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Nam Á.

Ông Lưu Viết H và bà Tạ Thị T đang quản lý, sử dụng tài sản này. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Phạm Hồng V và chị Lưu Thị Việt T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Phạm Hồng V và chị Lưu Thị Việt T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả cho Ngân hàng TMCP N kể từ ngày 25/11/2021 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ."

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ kháng nghị bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T theo Quyết định kháng nghị số: 464/QĐKNPT-VKS-P10. Nội dung:

1. Xác định không đúng quan hệ tranh chấp:

Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) quy định "Những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án", theo đó, khoản 1 Điều 30 BLTTDS quy định: "*Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận",* tuy nhiên, căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, giữa Ngân hàng TMCP N với anh Phạm Hồng V, chị Lưu Thị Việt T có ký Hợp đồng tín dụng, nhưng anh V, chị T không có giấy phép đăng ký kinh doanh. Do vậy, đối chiếu với quy định pháp luật tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại là không đúng với quy định của BLTTDS như viện dẫn trên, mà phải xác định đây là tranh chấp dân sự do vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

2. Vi phạm về việc áp dụng pháp luật

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HDTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định:

"1. Khi giải quyết vụ án hình sự, hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, cùng với việc quyết định khoản tiền mà bên có nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án thì Tòa án phải quyết định trong bản án hoặc quyết định (Phần quyết định) như sau:

a) Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015….

b)…

2. "Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn".

Tuy nhiên, phần quyết định của Bản án số: 04/2021/ST-KDTM ngày 24/11/2021 Toà án nhân huyện T nêu trên quyết định: "*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh V, chị T còn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa trả cho Ngân hàng TMCP N kể từ ngày 25/11/2021 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi trả xong nợ."*

Như vậy, cho thấy tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên xử về nghĩa vụ của bị đơn như nêu ở trên, là không đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng như viện dẫn trên, bởi lẽ: Theo hướng dẫn tại điểm a, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành (tức là bên có nghĩa vụ) còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến khi thi hành án xong toàn bộ số tiền này và lãi theo thỏa thuận (đối với số tiền phải thi hành án) là lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận. Trong vụ án này, nguyên đơn là Ngân hàng yêu cầu trong thời gian chưa thanh toán nợ thì anh V, bà Thu vẫn phải chịu lãi suất theo quy định tại Hợp đồng tín dụng. Trong Hợp đồng tín dụng được ký giữa Ngân hàng TMCP N với anh V, chị T đã thỏa thuận vễ lãi trong hạn, lãi quá hạn và các bên không có tranh chấp về lãi suất. Tuy nhiên, bản án lại quyết định "*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh Phạm Hồng V và chị Lưu Thị Việt T còn tiếp tục phải trả lãi trên* ***dư nợ gốc chưa trả*** *cho Ngân hàng TMCP N kể từ ngày 25/11/2021 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ"*. Việc quyết định như vậy gây thiệt hại cho Ngân hàng.

Mặt khác, Điều 10 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP quy định về điều chỉnh lãi, lãi suất như sau: *'Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất."*. Trong vụ án này, Ngân hàng TMCP N và anh V, chị T có thỏa thuận lãi suất được thay đổi 03 tháng/01 lần. Đáng lẽ bản án phải quyết định: "*Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*" mới bảo đảm quyền lợi của Ngân hàng.

Kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Ngân hàng Nam Á nhất trí nội dung kháng nghị.

Anh V, chị T nhất trí kháng nghị, nhưng đề nghị do dịch bệnh covid, điều kiện kinh tế khó khăn nên xin Ngân hàng cho trả dần nợ gốc, xin được miễn giảm số tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi vụ án được thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích của kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng nghị trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Các đương sự không kháng cáo, Hội đồng xét xử chỉ xem xét về nội dung của kháng nghị theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 03/7/2018, anh Phạm Hồng V, chị Lưu Thị Việt T ký Hợp đồng tín dụng số: 0272/2018/808 - CV vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn) của Ngân hàng Thương mại cổ phần N - Chi nhánh Phú Thọ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), thời hạn vay 60 (sáu mươi) tháng; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Cùng ngày ông Lưu Viết H, bà Tạ Thị T (bố mẹ đẻ chị T) ký Hợp đồng thế chấp số: 0136/2018/808-BĐ thế chấp QSD thửa đất số 136, tờ bản đồ số 06, diện tích 1.041,3m^2, tại khu 2, xã D, huyện T, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 843652 ngày 22/4/2016 cho ông H, bà T để bảo lãnh cho khoản vay 400.000.000đ của anh V, chị T vay theo hợp đồng tín dụng trên. Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực.

[2.2] Đối với nội dung kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ tranh chấp. Xét thấy:

Tại thời điểm vay tiền Ngân hàng anh V, chị T chỉ là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, tuy trong Hợp đồng tín dụng có ghi mục đích vay: "Vay vốn bổ sung kinh doanh" nhưng không có hồ sơ, tài liệu nào làm căn cứ chứng minh việc vay vốn là để kinh doanh có mục đích lợi nhuận. Tại bản tự khai ngày 23/9/2021 chị T thừa nhận thực tế là vay hộ cho em trai là Lưu Viết Chung ở phường Bến Gót, thành phố Việt Trì để kinh doanh tự do không có đăng ký kinh doanh (BL112), nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp dân sự. Vì vậy, nội dung kháng nghị này là có căn cứ. Mặc dù xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết nên không làm thay đổi bản chất của vụ án, không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, nên chỉ cần xác định tranh chấp của vụ án là tranh chấp dân sự, Bản án số: 04/2021/ST-KDTM ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ là Bản án dân sự sơ thẩm là đủ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2.3] Đối với nội dung kháng nghị về việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về áp dụng pháp luật, cụ thể là phần quyết định của bản án tuyên không đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xét thấy:

Theo quy định tại mục 2 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì "Mức lãi suất hai bên thỏa thuận" được tuyên trong phần quyết định bản án của Tòa án là mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án.

Tại điểm 6 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số: 0272/2018/808 – CV ngày 03/7/2018 giữa Ngân hàng và anh V, chị T đã có thỏa thuận mức lãi suất nợ quá hạn. Cụ thể là: Mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm phát sinh quá hạn. Lãi suất quá hạn có thể thay đổi theo quy định của Ngân hàng Nam Á từng thời kỳ và tối đa không vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật.

Như vậy, trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về lãi suất nợ quá hạn, do đó phần quyết định của bản án phải tuyên theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại Điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là chưa đúng. Ngoài ra, bản án vừa tuyên: "Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật…." lại vừa tuyên: "... kể từ ngày 25/11/2021 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi trả xong nợ" là mâu thuẫn, không đúng hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nêu trên. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Phú Thọ có căn cứ, được chấp nhận. Nội dung này của bản án phải sửa, việc sửa bản án là do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

[3] Án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[1] Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xác định không đúng quan hệ tranh chấp. Sửa Bản án số: 04/2021/ST- KDTM ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ như sau:

Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án giữa nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần N, địa chỉ trụ sở: Số 201-203, đường C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh với bị đơn là anh Phạm Hồng V, và chị Lưu Thị Việt Thu, đều có địa chỉ tại: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ là tranh chấp dân sự. Bản án số: 04/2021/ST- KDTM ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T tỉnh Phú Thọ được sửa lại là Bản án số: 04/2021/DS-ST ngày 24/11/2021.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa thành áp dụng khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về áp dụng pháp luật. Sửa quyết định của bản án sơ thẩm đối với phần tuyên lãi suất chậm trả đối với khoản tiền còn phải thi hành án như sau:

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (anh V, chị T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm phát sinh quá hạn. Lãi suất quá hạn có thể thay đổi theo quy định của Ngân hàng Nam Á từng thời kỳ và tối đa không vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật".

[3] Án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND h. Tam Nông;
- Chi cục THADS h. Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Tiến